

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2018

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v ban hành Bảng tiêu chí chấm điểm thứ tự ưu tiên các đối tượng được mua, thuê mua, vay vốn xây dựng nhà ở xã hội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP của ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 20/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số ...../TTr-SXD ngày tháng năm 2018;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng tiêu chí chấm điểm thứ tự ưu tiên các đối tượng được mua, thuê mua, vay vốn xây dựng nhà ở xã hội (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Ngân Hàng Nhà Nước tỉnh, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Trung tâm Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Chính**

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THỨ TỰ ƯU TIÊN CÁC ĐỐI TƯỢNG**  
**ĐƯỢC MUA, THUÊ MUA, VAY VỐN XÂY DỰNG NHÀ Ở XÃ HỘI**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND*  
*ngày / /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

| Stt | Tiêu chí chấm điểm  | Số điểm  |
|-----|---|----------|
| 1   | <b>Tiêu chí khó khăn về nhà ở:</b>  |          |
|     | - Chưa có nhà ở.<br>- Có nhà ở nhưng hư hỏng, dột, nát, hoặc diện tích bình quân dưới 10 m <sup>2</sup> /người.   | 40<br>30 |
| 2   | <b>Tiêu chí về đối tượng:</b>   |          |
|     | - Đối tượng 1 (quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều 49 Luật nhà ở).  | 30       |
|     | - Đối tượng 2 (quy định tại các khoản 4 và 9 Điều 49 Luật nhà ở)  | 20       |
|     | - Đối tượng quy định tại các khoản 1, 8 và 10 Điều 49 Luật nhà ở.   | 40       |
| 3   | <b>Tiêu chí ưu tiên khác:</b>   |          |
|     | - Hộ gia đình có từ 02 người trở lên thuộc đối tượng 1, 2.  | 10       |
|     | - Hộ gia đình có 01 người thuộc đối tượng 1 và có ít nhất 01 người thuộc đối tượng 2.   | 7        |
|     | - Hộ gia đình có từ 02 người trở lên thuộc đối tượng 2.<br><i>(trường hợp hộ gia đình, cá nhân được hưởng các tiêu chí ưu tiên khác nhau thì chỉ tính theo tiêu chí ưu tiên có thang điểm cao nhất).</i>  | 4        |
| 4   | <b>Tiêu chí ưu tiên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định:</b><br>- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; thân nhân liệt sỹ (bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, người có công nuôi dưỡng liệt sỹ) hưởng tuất nuôi dưỡng hàng tháng; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (không thuộc đối tượng quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công). | 10       |

|  |  |   |
|--|--|---|
|  | - Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.  | 9 |
|  | - Giáo sư, Nhà giáo nhân dân; Thầy thuốc nhân dân; Nghệ sỹ nhân dân; người được tặng thưởng Huân chương cao quý của Nhà nước (Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập các hạng; Huân chương Quân công các hạng; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc các hạng; Huân chương Chiến công các hạng; Huân chương Lao động các hạng; Huân chương Kháng chiến các hạng). | 8 |
|  | - Phó giáo sư; Tiến sĩ; Nhà giáo ưu tú; Thầy thuốc ưu tú; Nghệ sỹ ưu tú; Chiến sỹ thi đua toàn quốc; người có giải thưởng quốc gia về nghiên cứu khoa học.   | 7 |
|  | - Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa có nhà ở tại huyện, thành phố nơi nhà ở bị giải tỏa.   | 7 |
|  | - Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo đang phải ở nhà thuê, ở nhờ (thời gian thuê, ở nhờ liên tục từ 05 năm trở lên).   | 6 |
|  | - Đối tượng bảo trợ xã hội hoặc hộ gia đình có người là dân tộc thiểu số.  | 6 |
|  | - Hộ gia đình có từ 02 cán bộ, công chức, viên chức trở lên mà thâm niên công tác mỗi người từ 20 năm trở lên.   | 5 |
|  | - Hộ gia đình có từ 02 cán bộ, công chức, viên chức trở lên mà thâm niên công tác mỗi người từ 10 năm đến dưới 20 năm.   | 4 |
|  | - Hộ gia đình có từ 02 cán bộ, công chức, viên chức trở lên mà thâm niên công tác mỗi người từ 05 năm đến dưới 10 năm.   | 3 |
|  | - Hộ gia đình có 01 cán bộ, công chức, viên chức có thâm niên công tác từ 10 năm trở lên.  | 2 |
|  | - Hộ gia đình có 01 cán bộ, công chức, viên chức có thâm niên công tác từ 05 năm đến dưới 10 năm.<br><i>Ghi chú: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được hưởng các tiêu chí ưu tiên khác nhau thì chỉ tính theo tiêu chí ưu tiên có thang điểm cao nhất.</i>  | 1 |